

Bài 12: Kinh Tăng Chi (Chương 1 Pháp) - Phẩm Người Tối Thắng (tt6) | Sư Giác Nguyên giảng 31/12/2017

Dạ rồi, cảm ơn các vị. Trưa nay chúng ta học tiếp về cuộc đời của một vị Thánh là ngài Nandaka, vị đệ nhất về sở trường thuyết pháp cho Ni. Hôm trước, bên Tăng chúng ta có ngài Maha Kappina là đệ nhất huấn Tăng, còn ngài Nandaka là đệ nhất huấn Ni.

Cách đây 100.000 đại kiếp, ngài gặp Đức Phật Padumuttara. Đây là thời điểm mà Đức Phật thọ ký cho các vị đại Thanh văn của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Ở kiếp đó, ngài thấy một vị Thánh Tỳ-kheo được Đức Phật tuyên dương là đệ nhất huấn Ni, tức là có khả năng đặc biệt trong việc dạy dỗ, hướng dẫn cho các Tỳ-kheo-ni. Vì yêu thích, ngài đã làm phước cúng dường và phát nguyện. Trải qua 100.000 đại kiếp chuyên tu Ba-la-mật, vun bồi các công đức, cuối cùng đến thời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ngài sinh ra trong một gia đình giàu có. Lớn lên, ngài đi xuất gia và chứng quả A-la-hán.

Có một điều đặc biệt, quý vị còn nhớ câu chuyện về bà Kiều Đàm Di mẫu, tức là di ruột của Thái tử Tất Đạt. Trong kinh mô tả bà cung kính Đức Phật giống như một tín đồ chăm sóc tượng thần, rất thương và quý. Sau này khi Ngài thành đạo, Ngài về tế độ hoàng thân, bà đặc quả Tu-đà-hoàn. Sau đó bà xuất gia cùng với 500 cung nữ và phu nhân hoàng tộc. Xuất gia được một thời gian thì bà đặc quả A-la-hán, và cả 500 vị này cũng vậy.

Đức Phật đề nghị ngài Nandaka hãy đi thuyết pháp cho họ. Trong kinh giải thích tại sao lúc đầu ngài từ chối, quý vị có thể tìm trong Trung Bộ Kinh, bài kinh Nandakovada Sutta. Đức Phật hiểu ngài nên mới đề nghị ngài đi thuyết pháp. Trong kinh tạt cho biết ngài có Túc mạng minh, nên ngài biết rõ 500 vị Tỳ-kheo-ni này từng là những người vợ của mình trong kiếp trước. Ngài suy nghĩ rằng, với bậc Thánh thì không sao, nhưng với những người phàm phu, họ có thể có những suy nghĩ

bất kính, cho rằng ngài nhận lời vì vui thích khi gặp lại người xưa. Ngài không muốn điều đó.

Sẵn đây tôi nói luôn, chúng ta có hai kiểu duyên đối với nhau. Kiểu duyên thứ nhất là đến với nhau để kéo nhau xuống, kiểu duyên thứ hai là đến với nhau để kéo nhau lên. Duyên kéo nhau xuống là khi gặp lại nhau để tiếp tục kết oán gây thù, trả nợ cũ, hoặc gặp nhau để ân ái ràng buộc, quyến luyến. Nói chung là vì tham hoặc vì sân mà đến với nhau để kéo nhau xuống.

Gặp nhau để rồi ân ái ràng buộc, quấn quýt. Nói chung là vì tham hoặc là vì sân, đến với nhau để tham sân phát tác thì đó gọi là kết duyên để kéo nhau xuống. Còn kết duyên để kéo nhau lên là đời này kiếp này mình mến, mình quý nhau; đời sau kiếp sau gặp nhau dễ dàng lắng nghe nhau hơn. Người này nhìn người kia dễ dàng thấy ra gương sáng, hạnh lành của người kia. Đó gọi là kết duyên để kéo nhau lên. Có hai kiểu như vậy.

Như nàng Ciñcā hay Đề Bà Đạt Đa, đó là kết duyên với Bồ Tát để mà đi xuống. Còn có người như ngài Mục Kiền Liên, ngài Xá Lợi Phất, người ta kết duyên với Bồ Tát để cùng nhau đi lên. Ở đây cũng vậy, năm trăm vị này từng là vợ cũ, nhưng cũng chính vì ân tình đời kiếp đó mà bây giờ khi gặp lại, họ nghe từng chữ từng lời của ngài dễ tiêu hóa hơn. Họ cảm nhận trong đó có một sự cảm thông, một sự chia sẻ sâu sắc như thế tri kỷ nói chuyện với tri âm vậy.

Cho nên đây là trường hợp duy nhất tôi thấy trong kinh điển: trong hai ngày liên tục, cùng một hội chúng, ngài chỉ thuyết một pháp thoại với một nội dung. Đây là trường hợp duy nhất tôi gặp, hai ngày liên tục cùng một hội chúng mà chỉ thuyết một nội dung nhưng hiệu quả vô cùng xuất sắc, độc đáo.

Có nghĩa là một ngày ngài đến giảng về sáu trần. Sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc là thường hay vô thường? Dĩ nhiên là vô thường. Bây giờ hỏi qua sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi là thường hay vô thường? Sáu căn là vô thường. Sáu trần là thường hay vô

thường? Chắc chắn là vô thường rồi. Như vậy sáu căn, sáu trần, sáu thức, mười tám giới này đều là vô thường. Cái gì vô thường thì cái đó là khổ, mà cái gì là khổ thì chắc chắn không đáng để mình thấy nó là tôi, là của tôi.

Ví dụ giống như một loại cây, rễ vô thường, thân vô thường, lá vô thường, không có gì là trường cửu. Như vậy thì cái bóng của cây có vô thường hay không? Chắc chắn là vô thường.

Tiếp theo, ngài hỏi: dầu là vô thường, tim đèn là vô thường, thì ngọn lửa cũng vô thường. Rễ cây, cành lá đều là vô thường nên bóng cây cũng vô thường. Sáu căn, sáu trần, sáu thức đều vô thường, nên mọi cảm thọ buồn vui có từ mười tám giới cũng đều vô thường. Cái gì vô thường thì cũng đều là khổ và vô ngã.

Một bài pháp rất ngắn gọn nhưng cực kỳ cô đọng. Dầu vô thường, tim đèn vô thường, thì chắc chắn ngọn lửa cũng vô thường. Cây là vô thường, rễ vô thường, cành lá vô thường, nên bóng cây cũng vô thường. Cũng vậy, sáu căn là vô thường, sáu trần vô thường, sáu thức vô thường, nên mọi cảm thọ buồn vui có từ đó cũng đều vô thường. Như lâu đài xây trên cát, nền cát là đồ tạm bợ, bản thân lâu đài cát cũng là tạm bợ. Hai thứ tạm bợ cộng lại cũng đều là tạm bợ hết. Nghe giảng như vậy xong thì hết giờ, ngài ra về.

Hết giờ rồi, giảng xong rồi, ngày hôm đó đến giờ về thì Ngài đi về. Khi Ngài về gặp và trình với Đức Phật, Đức Phật bảo: "Ngày mai người tiếp tục trở lại, không phải là vị khác, phải là Nandaka, ngày mai phải trở lại." Đức Phật dạy thì dù trời sập xuống cũng phải nghe lời thôi. Hôm sau Ngài trở lại và lặp lại nội dung y hệt như vậy.

Cả hai ngày, sau khi kết thúc xong, Ngài đều nói một câu thế này: "Giống như một người xẻ thịt con thú, hành giả cũng dùng con dao trí tuệ để chia chẻ danh sắc." Cả hai ngày, bữa nào Ngài cũng lấy cùng một nội dung: người xẻ thịt con thú và hành giả dùng con dao trí tuệ để chia chẻ danh sắc đó.

Khi Ngài giảng xong hôm trước và về bạch Đức Phật, Đức Phật dặn dò hôm sau thuyết thêm nữa. Khi Ngài đi rồi, Đức Phật dạy cho Chư tăng rằng buổi giảng hôm qua của Nandaka chỉ là buổi giảng ngày 14, còn ngày mai mới đúng là trăng rằm 15, mới thật sự viên mãn. Đúng như vậy, chiều hôm sau, khi Ngài lặp lại nội dung buổi giảng của chiều hôm trước, 500 Tỳ-kheo-ni đều đắc chứng Thánh quả, thấp nhất là Tu-đà-hoàn.

Có hai tài liệu nói khác nhau về việc này. Có chỗ nói ngày thứ nhất đều chứng Sơ quả, ngày tiếp theo chứng La-hán. Có tài liệu lại nói ngày thứ nhất có người chứng có người không, đến ngày thứ hai mới đều chứng quả và tối thiểu là Sơ quả. Tôi học cho đủ để quý vị nghe, mai mốt có gì còn biết. Một tài liệu nói ngày một chứng Sơ quả, ngày hai chứng La-hán hết. Tài liệu kia nói ngày một có người chứng người không, tức là có người còn phàm, nhưng đến ngày hai thì đều là Thánh quả hết, tối thiểu là Sơ quả. Nhưng điều đó không quan trọng, miễn sao người ta tu tập tốt hơn mình là được rồi.

Sau khi 500 vị đệ tử của bà Gotami đều đắc quả, vào một ngày thuận tiện trước mặt tứ chúng tại Kỳ Viên, Đức Thế Tôn đã long trọng xác nhận rằng: Chư Phật ba đời mười phương đều có một vị Tỳ-kheo Thanh văn đệ nhất trong việc giáo giới, hướng dẫn. Hôm nay, Ta là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác cũng có một vị Thanh văn đệ nhất về sở trường này, đó là Nandaka.

Có người coi hạnh này quan trọng, hạnh kia không quan trọng. Riêng chúng tôi thì đã thừa rồi, hạnh nào cũng quan trọng hết. Vì sao? Vì trong cơ thể chúng ta, cái gì cũng có ý nghĩa và giá trị riêng: thận, gan, bao tử, phổi, tim, óc, tất cả đều có giá trị riêng. Trong một vườn hoa, trăm hoa đua nở tốt hơn là chỉ có một hai bông. Mỗi cái hoa, dù là hoa vô danh, hoa rục rở, quý hiếm, thơm ngát hay hoa không sắc không hương, tất cả đều là một phần bổ sung cho vườn hoa lớn.

Ở đây cũng vậy, hội chúng của Thế Tôn có đủ hết các vị với các hạnh khác nhau. Bởi vì mỗi vị đều là một góc riêng của vườn hoa chánh pháp. Các vị thấy rõ ràng, Tứ

chúng của một vị Phật gồm có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di. Như vậy, Tỳ-kheo-ni cũng là một bộ phận quan trọng trong Tứ chúng. Mặc dù nay không còn nữa vì nhiều lý do, nhưng ta phải nhìn nhận rằng một vị Tỳ-kheo-ni mà có khả năng như vậy thì đã góp sức cho Tứ chúng càng thêm hưng thịnh.

Nhưng mà ta phải nhìn nhận là một vị tỳ kheo có khả năng như vậy thì chỉ góp sức cho Tứ chúng càng hưng thịnh thêm thôi, chứ không có gì khác. Điều này cực kỳ quan trọng. Chúng ta vừa học xong câu chuyện về Ngài Nandaka. Tôi nhắc lại, chúng ta có nhiều cách để gieo duyên với nhau. Gieo duyên để rồi kéo nhau xuống, hoặc gieo duyên để đưa nhau lên trên.

Mình thấy rõ ràng 500 vị này thuộc dòng Thích tộc. Tại sao họ lại không có duyên với Đức Phật, không có duyên với Ngài Ananda, không có duyên với Ngài A-nậu-đà-la, Ngài Kimbila, Ngài Bhaddiya? Chúng ta thấy các vị Thánh Thinh văn xuất thân từ dòng Thích Ca, là quyến thuộc huyết thống với nhau đâu có hiếm. Các Ngài đều là bậc A-la-hán lục thông, tam minh và tuệ phân tích vô ngại, đâu có kém cạnh gì ai. Vậy mà 500 vị tỳ kheo ni hoàng gia này lại có duyên với Ngài Nandaka.

Cho nên hôm nay, những gì ta nói, những gì ta làm, từ ánh mắt, nụ cười, một câu nói, một cử chỉ, rất có thể là một kiểu gieo duyên cho nhau ở đời sau kiếp khác. Có điều là gieo duyên để làm gì? Để kiếp sau mình gặp nhau để giúp nhau hay hại nhau, đó là chuyện của chúng ta tự biết. Nhưng phải nói rằng mỗi người trên trái đất này, trong tam giới này, dù là vô danh hay có tiếng tăm, hãy nhớ một điều cực kỳ quan trọng: mỗi sinh hoạt lớn nhỏ của chúng ta đều có tác dụng gieo duyên cho ai đó.

Tôi nhắc lại, việc gì mình cho là không quan trọng, tìm đủ cách thoái thác từ chối, thì cũng có vấn đề. Có người hỏi tôi như vậy là sao, thì tôi nói rằng mỗi người có một kiểu cộng nghiệp, mỗi người có kiểu kết duyên không giống nhau. Có người thích làm phước rồi hùn hạp chung sức góp tay để đời sau kiếp khác có thêm bạn bè quyến thuộc cùng chí hướng, lý tưởng. Nhưng có người, do hiểu lầm, lại không muốn người khác hùn phước chung vì nghĩ như vậy sẽ bị mất phần. Đó là do nhận thức của họ về

Phật pháp có vấn đề. Đúng ra, mình càng chung sức, hòa hợp với nhau trong các công đức thì chỉ có lợi chứ không có hại.

Các vị tưởng tượng đi, mình tu là lục thân bất nhận, ly gia cát ái, nhưng trong dòng sanh tử luân hồi, có nhiều quyến thuộc vẫn tốt hơn là vô một mình. Giống như hôm trước tôi có nói, Bồ Tát luôn luôn buông bỏ mọi thứ, nhưng sở hành và kiểu sống của Bồ Tát luôn là tạo nghiệp bố thí, mặc dù Ngài luôn xả tài. Bồ Tát luôn xả ly tình cảm, nhưng kiểu sống của Bồ Tát luôn là hữu tình. Điều này quan trọng lắm. Chúng ta không cần là chuyện khác, nhưng cái gì có rồi bỏ vẫn tốt hơn.

Các vị đã nghe đến đâu rồi? Bây giờ tôi không dám nhắm mắt nữa. Các vị đã nghe tôi nói xong về Ngài Nandaka chưa? Tôi muốn gửi gắm qua bài học về Ngài. Bây giờ mình học sang Ngài Nanda. Trước tiên, làm ơn phân biệt giùm tên gọi của hai vị này. Ngài Nandaka là bậc đệ nhất giáo giới Ni, không có bà con gì với Đức Phật. Còn Ngài Nanda là em cùng cha khác mẹ với Bồ Tát Tất Đạt Đa, là con ruột của bà Gotami Kiều Đàm Di mẫu. Làm ơn nhớ giùm chi tiết này, kéo nhằm lẫn giữa Ngài Nandaka và Ngài Nanda.

Ngài là em cùng cha khác mẹ với Bồ Tát Tất Đạt Đa, là con ruột của bà Gotami Kiều Đàm Di Mẫu. Làm ơn nhớ giùm chi tiết này.

Ngài luôn lưu tâm đến hoạt động của sáu căn. Các vị có nghe rõ không? Ngài lưu tâm nhiều hơn người khác là sao? Các vị khác khi đã hết phiền não rồi thì cũng sinh hoạt, thuyết pháp, ngồi thiền, an trú tâm từ hay an trú trong một đề mục nào đó. Còn riêng vị này, phần lớn thời gian trong ngày ngài chú ý liên tục đến hoạt động của sáu căn.

Nói rõ là ngài sống theo kiểu của một hành giả Niệm Xứ. Không phải ngài phóng dật hay thất niệm, nhưng những vị khác sau khi xong việc thì thôi, họ làm được rất nhiều việc trong ngày. Còn riêng ngài thì sống như một người đang cầu giải thoát vậy. Nếu một hành giả đi bên cạnh ngài, chắc chắn sẽ tưởng ngài đang nỗ lực để đắc chứng giống như mình. Các vị La Hán khác thì thông dong hơn nhiều, còn ngài nhìn vào

giống như một hành giả đang chuyên chú. Không phải vì ngài còn phiền não, mà do thói quen nhiều đời và cái hạnh như vậy để làm tấm gương cho đời sau.

Giống như ngài Ca Diếp, hạnh đầu đà không phải để đắc chứng gì hơn nữa, mà chỉ là khuynh hướng tâm lý nhiều đời là ly dục và cũng muốn làm gương sáng cho hậu tấn. Trong kinh nói Đức Phật đêm nào cũng vậy, trừ khi mưa to gió lớn, còn những đêm mưa nhẹ, mưa lâm râm hay mưa phùn, ngài cũng không bỏ thời khóa kinh hành ngoài trời. Có khi ngài lấy y trùm lên đầu rồi đi trong bóng đêm hoặc ngồi xếp bằng. Chỉ khi mưa lớn ngài mới thôi, còn mưa phùn ngài vẫn ngồi như vậy. Chư Phật luôn luôn tinh tấn dù không còn gì để đắc nữa. Đó là sinh hoạt tự nhiên và cũng để đời sau noi theo mà tinh tấn, không dễ duôi.

Vị này được các cung nữ chăm sóc từ nhỏ. Khi Bồ Tát Tất Đạt thành đạo trở thành Phật và trở về hoàng cung, có một lần ngài về đúng vào ngày cưới của ngài Nanda. Lúc đó ngài Nanda cưới một cô hoa hậu của dòng Thích Ca. Hoa hậu tiếng Pali là Janapada Kalyani. Janapada là đất nước, còn Kalyani có nghĩa là hiền nữ, thực nữ, nhưng trong từ ghép này nó có nghĩa là người đẹp của quốc gia, tức là hoa hậu. Cô ấy rất đẹp, đẹp người đẹp nết nên ngài Nanda thương lắm.

Cô là người đẹp của quốc gia, tức là hoa hậu quốc gia, rất đẹp. Cô vừa đẹp người vừa đẹp nết nên ngài thương lắm. Trong đám cưới đó, dĩ nhiên nghi thức hôn lễ của Ấn Độ không giống người Việt Nam. Họ có thời gian để đánh lễ Phật và Chư tăng, cúng dường trai tăng xong xuôi. Sau khi Đức Thế Tôn thọ trai xong, Ngài thuyết pháp cho hoàng tộc rồi mới đứng dậy ra đi. Trước khi đi, Ngài giao bình bát cho Nan-đà, tức là chú rể. Chú rể trong kinh nói là thương Phật lắm, kính Phật lắm.

Có một câu trong Tiểu Bộ Kinh mà tôi muốn nhắc đi nhắc lại hoài: Dòng Thích Ca đối với Bồ-tát Tất-đạt, đối với Da-du-đà-la, và sau này là đối với Đức Phật, giống như tín đồ đối với giáo chủ, đối với một vị thần nhân hay một thần tượng, họ tôn kính lắm. Các vị về bên Nepal, năm nào họ cũng tìm một cô gọi là xử nữ. Xử nữ tức là người trinh nữ chưa biết đàn ông là gì, khoảng 13 đến 16 tuổi. Năm nào họ cũng phải

tìm một cô như vậy để xem có hội đủ những tiêu chuẩn về ngoại hình không, rồi mới trang sức cho cô giống như một tượng thần. Cả đám đông quý lạ, cô làm nữ thần trong một thời gian, khoảng một hai năm, rồi hết nhiệm kỳ họ lại tìm cô khác thay vào. Họ có những niềm tin lạ lắm.

Nói về Nan-đà, ông quý Đức Phật lắm. Thời nay, tôi nghĩ dù là Tổng thống Mỹ hay Giáo hoàng đưa đồ cho mình ngay ngày cưới, chắc có lẽ mình cũng phải đưa lại cho mấy ông cận vệ hay an ninh để trở về với cô dâu, chứ đâu có sợ đến mức như vậy. Nhưng Nan-đà nể Phật lắm, nể đến mức dù biết tân nương đang đứng sau lưng mình. Trong kinh còn kể rõ, khi ngài ôm bát đi, ngài ngoái nhìn thì cô vợ nói: "Anh nhớ về sớm nha, anh nhớ về sớm nha". Ngài ôm bát và nghĩ chắc qua khỏi cái sân trước hoàng cung thì Phật sẽ lấy lại bát, nhưng không, Ngài đi luôn. Đi một đoạn đường, Nan-đà mong Phật lấy lại bát chứ không dám giao cho ai hết. Vì chính tay Ngài giao nên mình phải đưa lại cho Ngài thôi, không dám giao cho người khác, như vậy là vô lễ.

Cứ đi một quãng, Nan-đà mong Phật lấy lại bát nhưng Ngài cũng không lấy lại. Cứ như vậy tới cổng chùa, vào đến tận bên trong hương thất, Ngài mới nói với Nan-đà: "Người xuất gia đi". Các vị tướng tượng, lòng tôn kính Phật đến mức trong ngày cưới mà Phật chỉ nói một câu "Người đi xuất gia đi" là Nan-đà thưa "Dạ". Tôi đọc cái này mà thấy nể, thưa "Dạ" rồi là cạo tóc xuất gia. Đám cưới đang dở dang như vậy mà bây giờ bụng dạ nào cạo đầu đắp y.

Trong kinh kể nhiều lần, Thế Tôn ngồi giữa đám đông Tỳ-kheo đang im lặng chờ đợi. Đức Phật suy nghĩ rằng hội chúng này nếu Ta không mở lời thì họ sẵn sàng im lặng đến một đại kiếp. Nếu Như Lai không mở lời, họ có thể im lặng suốt một kiếp trái đất. Họ kính Đức Phật đến mức như vậy.

Được một kiếp trái đất thì họ cũng tiếp tục so sánh như vậy. Họ kính Đức Phật đến mức như vậy. Tại sao mình đọc mấy cái này? Để mình tin rằng Ngài là một nhân vật mà thần uy của Ngài, từ trường của Ngài, cái điện của Ngài tỏa ra mạnh mẽ. Một con

vòi điên xông thẳng vào Ngài, mà khi Ngài chỉ cách vài mét, ngoài tầm tấn công, là nguyên một luồng điện mát lạnh phủ sóng toàn thân, nó chỉ có nước quy xuống thôi. Cái lòng từ bi của Đức Phật, cái đạo hạnh của Đức Phật có một cái từ trường cực mạnh như vậy.

Cho nên Ngài Nanda khi đi đứng trước mặt Đức Phật thì dĩ nhiên không dám nhúc nhích, mà về phòng thì không cách gì tu được, thấy cái lá y nó nặng nề như là cái núi vậy. Lúc đó, Đức Phật mới dắt Ngài đi lên cõi trời. Trên đường đi, đi ngang một cánh rừng cháy, Đức Phật chỉ cho Ngài Nanda thấy một con khỉ cái bị lở loét, bị bỏng. Ngài hỏi: Vợ người so với con khỉ này sao? Nanda nói thiệt: Bạch Thế Tôn, vợ con là hoa hậu, còn đây là con khỉ bình thường lành lặn đã xấu rồi, nói gì bữa nay nó bị bỏng lửa, bị lở loét, làm sao so với bà xã con được.

Một lát sau, Đức Phật đưa vị này lên tới khung trời Đao Lợi, cho nhìn thấy 500 cô tiên nữ hầu hạ Thiên chủ Đế Thích. Trong kinh nói 500 cô này đẹp lắm. Tôi chưa thấy tiên lần nào, đời tôi cũng chưa gặp cô hoa hậu nào, nhưng theo kinh kể thì khi Ngài vừa nhìn thấy 500 cô này, Đức Phật hỏi: Nanda nghĩ sao, vợ người so với 500 cô này thì sẽ ra sao? Ngài Nanda bạch: Bạch Thế Tôn, vợ con so với 500 cô này thì giống y hệt như con khỉ cái hồi nãy so với nàng vậy đó.

Kinh khủng như vậy. Không phải Ngài bội bạc đâu quý vị, mà Ngài thiệt thà. Trước mặt Thế Tôn, thầy của ba cõi, làm sao mà mình nói dối được. Cho nên Ngài nói thiệt là nàng mà so với mấy cô này thì giống như hoán đổi ví dụ ngược lại, nàng chỉ giống như con khỉ kia thôi. Đức Phật nói: Nếu Nanda tinh tấn tu học thì 500 cô này không phải là chuyện khó, Như Lai bảo đảm như vậy.

Khi Ngài trở về thì lập tức phôi phai nỗi nhớ niềm thương. Sau đó, Ngài vào hầu Phật và thưa: Bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn rút lui lời hứa. Phật dạy rằng: Không cần người nói ta cũng biết. Và điều đặc biệt là kể từ ngày ở cung trời Đao Lợi về, Ngài có một hạnh tu rất đặc biệt theo sự hướng dẫn của Đức Phật. Đó là mỗi lần nhìn đâu, mỗi lần sáu căn làm việc, trong từng phút Ngài luôn Tâm Niệm rằng: Mong sao tâm ta không

vì sáu trần mà phiền não. Hạnh tu này kéo dài đến lúc viên tịch, ngay cả khi đã chứng quả A La Hán. Tức là theo hướng dẫn của Đức Phật, lúc nào trong lòng Ngài cũng niệm: Tâm ta không vì sáu trần mà phiền não. Ngài dùng chế độ kiểm soát sáu căn rất chặt chẽ. Chính vì chỗ này cho nên Ngài được...

Chế độ thu thúc rất là chặt chẽ. Chính vì chỗ này cho nên Ngài được Đức Phật tuyên dương là đệ nhất thu thúc sáu căn. Những vị A La Hán khác thì xong rồi thì thôi, không phải người ta buông lung, nhưng Ngài là đệ nhất. Dĩ nhiên Ngài là tấm gương sáng cho rất nhiều vị khác.

Sẵn đây mình cũng học một chút câu chuyện về Ngài. Ngài là vị có chiều cao tương đương với Thế Tôn, cũng một mét tám. Ngài lại có tướng hảo, có đủ 32 hảo tướng, chỉ thiếu hào quang và phong phạm của một vị Phật. Chỉ thiếu nhiều đó thôi. Lúc Ngài mặc y giống với kiểu của Phật thì nhiều người tưởng lầm, nên sau đó mới có luật cấm không cho vị nào mặc y giống Phật một trăm phần trăm nữa. Chiều cao tương đương một mét tám, mặt mũi giống, cũng đẹp như vậy, cho nên khi mặc y giống Thế Tôn thì nhìn rất dễ nhầm với người không biết. Từ chỗ này, trong luật mới cấm không cho vị nào mặc y giống hệt như vậy. Đó là Ngài Nan Đà, Ngài có điều đặc biệt đó.

Ngài Nan Đà dĩ nhiên cũng là một vị Thích tộc. Các vị biết rằng trong dòng Thích Ca, số lượng những vị đại đệ tử có biệt hạnh rất nhiều. Hầu hết người thuộc dòng Thích Ca đều là thân tộc của Phật, nên đều được hưởng đặc ân khi xuất gia. Nghĩa là tất cả ngoại đạo, những ai từng tu theo ngoại giáo, bất cứ đạo nào bên ngoài Phật giáo, khi đi tu thì phải trải qua tối thiểu bốn tháng gọi là Parivasa, tức là bốn tháng biệt trú. Nghĩa là được hướng dẫn ăn mặc như thế này mới đúng, đi đứng phải như thế này, đắp y mang bát phải như thế này, tiếp xúc phật tử phải như thế này. Tại sao như vậy? Bởi vì khi người ta từ cư sĩ đi vào thì họ là một tờ giấy trắng, rất đơn giản. Còn khi là tu sĩ của ngoại giáo, họ rất có thể sẽ mang những thói quen sinh hoạt từ bên tôn giáo cũ vào đây.

Tôi ví dụ thôi, thí dụ như mấy vị Khất sĩ đi. Tôi không biết trong room này có ai Khất sĩ không, nói ra họ phiền họ buồn tội nghiệp, nhưng tôi ví dụ. Khất sĩ cũng mang danh Phật giáo, nhưng thật ra kiểu sinh hoạt của quý sư đó rất lạ. Quý sư có thể mặc những màu vàng chanh, rồi ngày xưa quý vị còn mặc y nạp vá đủ thứ màu, như lấy cái mền mà đắp vậy. Còn bây giờ các vị bên đó mua hẳn mấy ngàn bộ y Thái Lan về để thay thế lớp y cũ. Bây giờ mấy vị bên Pháp viện Minh Đăng Quang, bên Tịnh xá Trung tâm là mặc hẳn y Nam tông một trăm phần trăm. Và cái nguy cơ nữa là các vị sang Miến Điện, qua Thái Lan, các vị tự nhận cũng là Tỳ-kheo, Sa-di, y như bên Nam tông, nhưng có điều các vị không đọc tiếng Pali. Mỗi nửa tháng một kỳ tụng giới sám hối, các vị không sám hối được Patimokkha.

Nhưng có điều các vị không đọc tiếng Bali, mỗi nửa tháng một kỳ giới luật sám hối, các vị không sám hối được đúng pháp. Vậy thôi. Và cái này mới kẹt nè: cái bình bát của các vị không giống bình bát bên Nam tông, và đồng thời kiểu đi bát của các vị quá chậm, phải nói là quá sức chậm. Gần như hai bàn chân nối liền nhau, bàn chân trước ghép với bàn chân sau. Kiểu đi đó không biết kiếp nào mới tới. Đi quá nhanh thì mất tăng tướng, đi quá chậm thì căng cứng cũng mất. Cho nên cái đó không được, các em sinh hoạt cũ phải bỏ.

Trước khi xuất gia theo Phật giáo, tất cả tu sĩ ngoại giáo đều phải trải qua tối thiểu bốn tháng biệt trú để được hướng dẫn lại các oai nghi cũ. Riêng những ai xuất thân từ dòng Thích Ca thì được miễn bốn tháng này. Có một chuyện nho nhỏ là cách đây hai năm, chúng tôi có đến gian hàng của quốc gia Nepal. Người đứng bán ở đó tự nhận ông là hậu duệ của dòng Thích Ca (Sakya). Ông nói ông cũng là bà con của Đức Phật. Dĩ nhiên chuyện đó mình không rõ vì đã quá lâu, nhưng nghe vậy tự nhiên cũng xúc động. Ít ra, dầu ông có nói dối đi nữa thì tối thiểu ông cũng có lưu ý đến chuyện đó.

Chúng ta học xong chuyện của ngài Nanda và cũng nhắc lại chuyện cũ: chúng ta vì sáu căn mà sinh tử, và bắt buộc cũng phải từ sáu căn mà tìm ra con đường giải thoát.

Bởi vì không ai đắc quả Thánh, giác ngộ mà lại không làm việc với sáu căn. Sáu căn chính là năm uẩn, mười tám giới, mười hai xứ. Sáu căn là mười hai Duyên khởi mà cũng là Tứ đế. Cho nên không lý nào một người mù tịt về sáu căn, không biết cách làm việc với sáu căn mà lại đắc đạo, chuyện ấy không thể có.

Tiếp theo, chúng ta học về ngài Sagata. Sagata là đệ nhất Hỏa giới. Cách đây 100.000 đại kiếp, có một người vào chùa nghe pháp, thấy một vị Tỳ-kheo được Thế Tôn tuyên dương là đệ nhất về Hỏa giới Tam muội (Tejo-dhātu-kusala), tức là thiện xảo trong đề mục lửa. Vị này thích lắm nên mới nguyện.

Hỏa giới Tam muội là sao? Nghĩa là học đề mục lửa, một trong bốn mươi đề mục thiền chỉ. Hành giả để một đốm lửa trước mặt và niệm: lửa, lửa, lửa... Chừng nào tâm hành giả gắn chặt vào hình ảnh ngọn lửa, nhắm mắt lại cũng thấy lửa, và từ từ ngọn lửa đó định lại, không rời khỏi tâm tưởng của mình. Rồi nó biến dạng, trở thành một quầng sáng như màu ngọc. Khi vắng mặt năm triền cái, hành giả đắc được Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền. Với khả năng định tâm của một người đắc Tứ thiền bằng đề mục lửa, vị đó khi cần có thể tạo ra lửa, tạo ra hơi ấm, tạo ra ánh sáng, hoặc dùng lửa để thiêu hủy một cái gì đó.

Vị đó khi cần tạo ra lửa, khi cần tạo ra hơi ấm, khi cần tạo ra ánh sáng, hoặc khi cần có thể dùng lửa để thiêu hủy một cái gì đó thì rất dễ dàng. Việc tạo hơi ấm, ánh sáng và thiêu đốt bất cứ cái gì cũng được như ý.

Như trong chuyện Ngài Mahaka, có lần Ngài đi đến nhà phật tử dùng cơm trưa. Chư tăng dùng bữa xong, ông thí chủ chủ nhà đi bộ tiễn Chư tăng từ nhà về chùa. Trên đường đi trời nóng quá, ông mới nói: "Ước gì bây giờ có một trận mưa đổ xuống thì mát biết bao nhiêu". Ngay lúc đó, Ngài Mahaka rung mình, tạo ra một trận mưa vừa đủ cho đoàn người được mát mẻ. Chư tăng mới nói: "Ông ước thì ông được đó". Ông thích lắm, khi về tới chùa ông năn nỉ Ngài: "Cho con xem một lần thần thông nữa đi. Hồi nãy là nước, bây giờ cho con thấy lửa một chút". Ông nói chỉ cần nhìn thấy là bây giờ ông có chết ông cũng tin Phật.

Bản thân chúng tôi cũng mong trong đời này kiếp này có một vài lần được nhìn thấy những thần thông lạ. Không phải đợi thấy mới tin, nhưng mà cũng ước ao như vậy. Gặp được một người cho mình chứng kiến một pháp thần thông thì mình cũng thích.

Ngài mới bảo đem cái lá y của Ngài trải ra trước sân cái cốc, tức là phòng riêng của Ngài. Trải lá y ra, lấy một bó cỏ khô để lên trên. Rồi Ngài đóng cửa phòng lại. Từ ở trong phòng, Ngài nhập định đề mục gọi là Hỏa giới Tam muội, Ngài phóng lửa xuyên qua ổ khóa. Đám lửa đó đốt cháy hết đồng cỏ nhưng cái lá y không sao hết. Rồi Ngài bước ra, Ngài rũ một cái lá đắp lên ngon lành.

Ông cư sĩ thích quá, nói rằng bây giờ Ngài muốn cái gì cũng được, con sẽ ủng hộ tất cả những nhu cầu vật chất Ngài cần. Ngài nói: "Lành thay, lành thay". Sau khi ông này ra về, Ngài lập tức thu dọn y bát và ra đi vĩnh viễn, không bao giờ trở lại vùng đất đó nữa. Biết ông muốn thấy thì cho ông thấy để ông phát khởi niềm tin nơi Tam bảo, nhưng sau khi làm xong việc đó rồi thì Ngài cũng rời đi, không quay lại vùng đất này nữa.

Ở đây mình đang nói về Hỏa giới nên kể một câu chuyện về Hỏa giới như vậy. Bây giờ quay lại chuyện của vị này. Sau bao nhiêu kiếp sinh tử luân hồi, cuối cùng đến đời Phật Thích Ca, Ngài sinh vào trong một gia đình ở Savatthi. Sau đó Ngài đi nghe pháp rồi xuất gia, đắc được Bát định. Chuyện đầu tiên là Ngài đặc biệt rất thích lửa, cho nên Ngài rất giỏi về việc nhập định bằng lửa và hóa hiện thần thông bằng lửa. Một ngày kia, tại ngôi làng Ngài ở có một cái miếu thờ con rồng rất dữ, Ngài đã dùng thần thông, dùng đề mục lửa này để chinh phục nó, cho nên dân làng họ...

Ngài đã dùng thần thông, dùng định lửa này để chinh phục nó, cho nên dân làng họ thích lắm. Họ mới cúng dường cho Ngài cái này cái kia, từ thức ăn, y áo cho đến giày dép. Họ hỏi bây giờ Ngài cần cái gì họ sẽ cúng, Ngài mới nói rằng: "Ta từ nhỏ đến lớn đi tu, ta cũng không cần gì hết. Bây giờ mấy người cứ cúng bánh trái, thức ăn, chè... có một thứ mà ta không biết mùi vị của nó, đó là rượu. Nghe nói nhiều người

uống rượu bị nghiện, ta nghĩ nó phải ngon sao người ta mới nghiện. Cho nên bây giờ nếu các người yêu cầu ta nói món ta thích, thì ta nói thiệt là rượu."

Lúc này luật chưa cấm uống chất say. Nghe như vậy, họ lựa thứ ngon nhất, xịn nhất, đắt tiền nhất để cúng dường cho Ngài. Quý vị nhớ nha, Ngài đã đắc Tứ thiền, có thần thông vậy đó, mà khi Ngài uống vào, thấy được quá nên uống riết. Một lúc sau thì Ngài mất định luôn, rơi vào phóng dật. Đoạn này tôi kể dựa theo chú giải và cả trong Luật tạng.

Khi Ngài say quá sức say rồi, Ngài ra ngoài đồng rác nằm. Lúc đó Đức Phật đi đến, Ngài cũng không biết gì hết. Đức Phật mới hỏi chư Tăng: "Này các Tỳ-kheo, trước đây Sagata có đối với Như Lai như thế này hay không?". Tức là Như Lai đứng trước mặt mà Ngài cứ nằm lè nhè, không biết ai là ai. Chư Tăng nói: "Bạch Thế Tôn, không bao giờ có chuyện đó. Không bao giờ trước mặt Thế Tôn mà một Tỳ-kheo nằm lè nhè, không chào hỏi, không đứng dậy, không chấp tay đánh lễ cung kính."

Đức Phật dạy: "Các người có thấy hay chưa? Khi uống chất đó vào, nó biến một người trở thành một con người khác như vậy. Cho nên kể từ hôm nay, bất cứ vị Tỳ-kheo nào sử dụng chất say thì sẽ bị phạm tội."

Nói về Ngài Sagata, sau khi tỉnh dậy, nghe huynh đệ kể lại chuyện đó, Ngài khởi lên tâm áy náy và ray rứt. Ngài vào đánh lễ Đức Phật để sám hối. Với sự động tâm và cú sốc lớn đó, Ngài phát triển Tuệ quán và đắc quả A-la-hán. Về sau, trong một dịp thích hợp tại chùa Kỳ Viên, giữa đại chúng, Đức Phật đã tuyên dương Ngài là vị đệ nhất về khả năng sử dụng định lửa.

Tôi cũng nhắc lại lần nữa, đề mục nào cũng là đề mục, biệt tài nào cũng là biệt tài thôi. Đây là một trong những biệt tài của một vị Thánh Thinh văn. Chuyện tôi kể về việc Ngài uống say không phải là gương sáng để bắt chước, mà bài học quan trọng ở đây là: thứ nhất, có lỗi thì sửa; thứ hai, một khi chúng ta lơ đãng, buông mình theo một niềm đam mê nào đó thì nguy cơ thiện pháp bị thả trôi rất dễ xảy ra. Khả năng

rất lớn là một người dù có đặc thiên như Ngài Sagata, chỉ vì một phút mềm lòng trước chất say mà cũng có thể sa ngã.

Rất dễ nha. Khả năng rất lớn một người có đặc thiên như Đề Bà Đạt Đa, chỉ vì một phút mềm lòng trước cám dỗ danh lợi mà chuyện gì cũng làm. Một vị đặc thiên như thế này mà chỉ cần một phút lơ đãng thì cũng quên mình, suýt nữa là vô họa rồi. Bởi vì người say thì chuyện gì cũng làm hết trơn rồi.

Chưa kể trong kinh kể nhiều lần, rất nhiều lần Bồ Tát Thích Ca Mâu Ni lúc còn phàm, đặc thiên đặc thần thông rồi gặp nữ sắc cũng bị đứt thiên. Lúc đi là bay, lúc về lại bộ thấy bà luôn. Trong kinh kể thường lắm. Cho nên phải nói cái gì chứ riêng khoản phiền não đó là hễ lơ đãng là dính, lơ đãng là dính.

Bởi vì chúng ta nhớ thế này, mỗi người có hai cánh tay, tay phải và tay trái. Có người thuận tay phải, có người thuận tay trái, đó là nói về thân xác. Còn nói về tinh thần, tâm linh thì mỗi người cũng có hai bản năng: một là bản năng thiện và hai là bản năng ác. Vấn đề nằm ở chỗ là ta thuận tay nào, ta mạnh về bản năng nào. Thật ra, ở mỗi người, bản năng thiện và bản năng ác khó nói cái nào mạnh hơn cái nào. Dĩ nhiên mình thấy người khác mạnh hơn, nhưng không phải vì nó mạnh mà mình bỏ qua các điều kiện khách quan. Thí dụ mình là người tính tham nhiều, sân nhiều, nhưng nếu mình chú ý điều chế bối cảnh sống, điều kiện bạn bè chung quanh thì mình cũng bớt sân, bớt tham, bớt ích kỷ, bớt nhỏ mọn, bớt bòn xén. Ví dụ như vậy.

Mình là người lười học hơn là hiếu học, đó là bản tính của mình, nhưng mình cũng cần sự hỗ trợ của thầy bạn rất nhiều. Bởi vì nếu không có sự hỗ trợ của thầy bạn, của điều kiện sống chung quanh thì chúng ta thường rất dễ rơi vào tình trạng buông trôi, thả nổi con người mình. Câu chuyện của ngài cho mình bài học sâu sắc như vậy.

Bây giờ tiếp theo là cái gì ta? Bây giờ tôi quên mất rồi... Ngài Mahā Kappina, tôi tưởng học rồi. Dạ rồi, vị này theo trong Tăng Chi Bộ Kinh, cũng là bộ mình đang học nè, có một chỗ ghi thế này: Ngài là một ông vua đi tu. Khi Đức Phật đi, có mấy ngàn

vị Phạm Thiên đi xuống hầu Phật. Nhìn thấy hình ảnh đó, họ lạy Phật xong rồi mấy ngàn vị quay sang đánh lễ ngài Mahā Kappina. Lúc này Vangisa, nhà thơ lớn, một vị Thánh thi sĩ, thấy hình ảnh đó liền quỳ xuống bạch: "Bạch Thế Tôn, con nhìn thấy hình ảnh Phạm Thiên đánh lễ Tôn giả Mahā Kappina, con có cảm hứng. Xin phép Thế Tôn cho con đọc cho đại chúng nghe." Đức Phật bảo cứ đọc đi, vì đại chúng đang cần nghe. Mấy bài kệ của Vangisa cũng giúp cho người ta củng cố tín tâm về ngài Mahā Kappina đặc biệt như vậy.

Bây giờ trở lại chuyện của ngài. Ngài vốn là một ông vua, ngài Mahā Kappina vốn là một ông vua thời xưa. Cách đây 100.000 đại kiếp, ngài cũng từng đi chùa gặp Phật Quá Khứ. Khi gặp Đức Phật, ngài chứng kiến cảnh Đức Phật thọ ký cho một vị khác có khả năng thuyết pháp dạy dỗ chư Tăng xuất sắc không ai bì kịp. Ngài thấy vậy nên thích và nguyện vào vị trí đó. Sau 100.000 đại kiếp lưu lạc luân hồi, cuối cùng đến đời Đức Phật Padumuttara, ngài cũng sinh ra đời, tiếp tục làm phước tu tập và ngài cũng có cái tên là Kappina.

Thời Đức Phật Ca Diếp, ngài cũng sinh ra đời, tiếp tục làm phước tu tập. Đến đời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ngài sanh vào làm hoàng tử của một vị vua xứ Kukkutavati. Ngài cũng làm vua. Những người hầu cận ngài từ xưa trong vòng luân hồi, những kiếp ngài làm vua hay làm thợ cả, làm thầy, thì chính những người đó bây giờ ngài sanh đi đâu họ cũng sanh theo. Hễ ngài làm thầy thì họ làm trò, ngài làm thợ cả thì họ làm thợ phụ, ngài làm vua thì họ làm triều thần. Đến đời Đức Phật Thích Ca cũng vậy, khi ngài Mahakappina sanh vào vùng đó thì những người kia cũng làm triều thần, quan văn võ tướng đi theo hầu.

Một ngày kia, có một đoàn thương khách ở xa đến xứ của ngài buôn bán. Ngài hỏi: "Ở xứ các ông có cái gì lạ hay không?". Sẵn đây nói luôn, trong chú giải đoạn này nói về ngài Mahakappina là người Sutava. Đây là chữ mình học thêm: Suta là kiến thức, Vitta là tài sản. Ghép lại là người xem kiến thức như tài sản, hoặc kiến thức của họ đáng được xem là một gia tài. Ngài rất thích học hỏi.

Bữa đó có đoàn thương khách ở xa tới buôn bán, ngài hỏi thăm ở đó như thế nào. Giống như mình ở trong nước, thấy người nước ngoài về thì hỏi thăm bên đó ra sao, hoặc người ở ngoài thấy bà con trong nước ra thì hỏi tình hình bây giờ thế nào. Có người hỏi vì tò mò, có người hỏi vì muốn học hỏi. Qua đám thương khách bốn phương, khách thương hồ đó, ngài học được rất nhiều chuyện. Rồi một ngày kia, ngài gặp một nhóm thương gia là Phật tử đến xứ của ngài. Nghe nói đến Tam Bảo: Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo đã ra đời, chỉ nghe bấy nhiêu thôi là ngài hoan hỷ, quyết định không làm vua nữa, bỏ hết để đi xuất gia. Chuyện kể văn tắt là như vậy.

Sau đó ngài gọi hoàng hậu Anoja đến và bảo: "Bây giờ trẫm đi tu, trẫm giao lại tất cả cho nàng, nàng muốn làm vua làm tướng gì tùy ý". Hoàng hậu nói: "Không thể nào bỏ hạ đi theo Phật mà thiếp còn lòng dạ nào ngồi đây làm vua làm tướng nữa". Thế là vua đi trước, rồi hôm sau đến phiên nàng đi. Vua đi trước với một đoàn tùy tùng.

Lúc đó Đức Phật biết rõ, vì mỗi ngày Ngài có năm việc phải làm: buổi sáng đi khất thực, buổi chiều thuyết pháp cho tứ chúng, buổi tối giáo giới chư Tỳ-kheo, nửa đêm giải đáp thắc mắc cho chư Thiên, và rạng đông Ngài dùng Phật trí rọi suốt tam thiên đại thiên thế giới xem hôm ấy ai là người có duyên lành giác ngộ đáng để Ngài đi đến tế độ.

Trong tam thiên đại thiên thế giới, Ngài xem hôm ấy ai là người có duyên lành giác ngộ đáng để Ngài đi đến tế độ. Duyên lành ở đây có hai: một là họ sẽ đắc đạo đắc quả ngay đời này, hai là họ sẽ nhờ cuộc gặp gỡ đó mà vun bồi thêm căn lành cho kiếp sau. Cho dù trường hợp nào đi nữa thì đương sự phải là người có duyên với Ngài chứ không phải với ai khác. Còn nếu vị đó có duyên với một vị Thánh khác thì đó là chuyện của người ta. Nhưng đối với Đức Phật, ai có duyên phải gặp Ngài để được khá hơn thì Ngài sẽ không bỏ sót, dù cho họ đắc đạo ngay trong thời này, trong giáo pháp của Ngài, hay là đắc đạo đắc quả trong đời sau kiếp khác.

Buổi sáng hôm đó, Đức Phật dùng Phật nhãn nhìn khắp mọi người, thấy hôm nay sẽ có một ông vua mang tên Mahā Kappina cùng với đoàn tùy tùng đông đảo đến để tìm

Ngài xuất gia. Tốt nhất là họ nên gặp Ngài ở một chỗ khác bên ngoài ngôi chùa này; họ đến đây không tốt bằng việc Ngài gặp họ ở một nơi khác. Thế là Đức Thế Tôn đi đến bên bờ sông, Ngài ngồi trong khu rừng kế bên bờ sông đó.

Vua Mahā Kappina cùng đoàn người ngựa chạy đến bờ sông, nhìn thấy hào quang thì ông mừng lắm. Ông chú nguyện rằng: "Nếu đó là Thế Tôn, bậc A-la-hán, nếu đó là bậc sư phụ, bậc thầy của con, thì con xin cả đoàn người ngựa hãy qua được bờ kia". Bởi vì với độ rộng của con sông này thì không thể nào qua được hết, sông rất rộng. Ông chú nguyện như vậy xong thì lập tức bao nhiêu người ngựa đều có mặt ở bên bờ sông kia. Ngài thuyết pháp cho ông nghe thì ông đắc đạo đắc quả.

Sau đó, hoàng hậu Anojā cũng tới bờ sông đó. Bà nhìn thấy Đức Phật ngồi bên bờ sông, bà cũng chú nguyện: "Nếu đây là bậc A-la-hán, đúng là người mà vợ chồng con đi tìm, thì xin cho nguyên đoàn này có mặt bên bờ sông bên kia". Bà chú nguyện xong thì tất cả lập tức có mặt bên kia bờ sông.

Có nhiều người nghe cái này có lẽ thấy hơi giống truyện Phong Thần, nhưng tôi tin. Tôi tin ở chỗ nào? Thứ nhất, đó là thời của vị Chánh Đăng Chánh Giác, đức độ và đạo hạnh của Ngài cộng với phước tu của những người này. Bây giờ mình không có bậc thầy giống như Đức Phật, cũng không có những người đệ tử kiểu như những người mình đang học, cho nên mình không có cơ hội chứng kiến những phép lạ đó. Khi đọc cái này, tôi hình dung nếu tôi gặp Ngài, chắc kêu tôi nhảy lầu tôi cũng nhảy nữa, vì tôi nghĩ không thể nào mình chết trước mặt Đức Phật được. Làm sao mà Ngài để mình chết trước mặt Ngài được.

Nếu để hoàng hậu thấy ông chồng của mình thì bà sẽ khởi lên tâm thương mến, ái luyến mà không đắc đạo được. Bà Anojā cùng các cung phi của vua rất đông, họ sẽ thương chồng, thương vua mà có tâm ái luyến, gây trở ngại trong việc thánh pháp. Cho nên Ngài mới chú nguyện cho họ không nhìn thấy nhau để việc nghe pháp được thành tựu.

Vì thương vua mà họ có tâm ái luyến, nếu họ biết thì sẽ trở ngại trong việc nghe pháp. Cho nên Ngài mới chú nguyện. Mấy lời chú nguyện này khiến cho đức vua và một ngàn ông quan ngồi ở đây, một ngàn lẻ một vị ngồi đây, thì họ nghe thấy hết. Nhưng khi các bà tới, họ sẽ chỉ thấy có một mình Đức Phật thôi, chỉ thấy một mình Ngài thôi. Cho nên họ chuyên tâm nghe pháp. Sau khi chuyên tâm nghe pháp rồi thì tất cả các bà đều đắc Sơ quả hết. Khi đó Phật mới để cho họ thấy nhau. Cuối thời pháp thoại, tất cả đều chứng quả Dự lưu và nhìn thấy nhau.

Sau đó, Đức Thế Tôn mới chú nguyện cho vị Đề nhĩ Thanh văn Ni. Ngài chú nguyện cho bà Uppalavanna, vị đệ nhất thần thông bên Ni, đi đến để tiếp quản nhóm này, tức là nhóm các bà mới phát tâm này. Ngài chỉ khởi ý "Hãy có mặt ở đây đi", trường lão ni lập tức có mặt. Ngài giao cho bà độ cho cả nhóm đó xuất gia, rồi dắt họ đem về ni viện hết. Còn Thế Tôn thì dắt một ngàn lẻ một vị tỳ kheo này đi.

Bây giờ ở Việt Nam mình mà gọi điện cho cô Liễu Pháp dắt về Núi Dinh thì chắc là mệt lắm. Còn thời đó Ngài chỉ nghĩ thôi là vị đó đến liền. Chúng ta sẽ học về bà này, bà đẹp lộng lẫy luôn. Bên Hán tạng gọi là Liên Hoa Sắc, vì màu da của nàng đẹp như hoa sen vậy. Có một điều trở trêu là bên Tăng, vị đệ nhất thần thông là Ngài Mục Kiền Liên bị bọn cướp đánh bầm như tương hột. Còn bên Ni, bà Uppalavanna này là đệ nhất thần thông nhưng lại bị người ta cưỡng hiếp lúc bà đang ở trong rừng. Vì nghiệp xưa nên dù là đệ nhất thần thông cũng đều gặp nạn. Mình dựa vào đây để thấy rằng khi nghiệp tới rồi thì cũng phải chịu thôi. Ngay cả dòng họ Thích Ca bị tàn sát, Phật cũng không cứu được.

Lúc bấy giờ, Ngài Maha Kappina xuất gia xong, đắc quả xong thì thích ở một mình để hưởng lạc giải thoát. Một ngày kia, Đức Phật thấy Ngài có các vị đệ tử rất đông, mới xuất gia mà đã có một ngàn đệ tử, nhưng Ngài không chịu thuyết pháp cho họ. Buổi chiều đó, Đức Phật mới hỏi: "Maha Kappina đi đâu cũng có ngàn người đi theo như vậy, chứ có bao giờ ông thuyết pháp cho họ chưa?". Ngài thưa: "Bạch Thế Tôn,

chưa, con chưa thuyết pháp cho họ lần nào". Đức Phật bảo: "Hãy thuyết pháp cho họ đi". Khi Ngài giảng xong bài giảng thì cả một ngàn vị đều đắc quả A-la-hán hết.

Từ sự kiện này, Đức Phật mới xác định rằng trong hàng đệ tử Thanh văn của Ngài, Maha Kappina là đệ nhất về khả năng huấn luyện với một số lượng đông và nhanh như vậy. Về điểm này, trong bài kinh Kinh Tế Phân Biệt thuộc Trung Bộ có nói rằng nếu nói về số lượng...

Về điểm này, trong bài Kinh Phân Biệt thuộc Trung Bộ Kinh có nói rằng: nếu xét về khả năng huấn luyện thì ngài Xá Lợi Phất và ngài Mục Kiền Liên là vô địch. Đặc biệt, ngài Xá Lợi Phất có khả năng huấn luyện cho một vị từ phàm đẳng Thánh quả rất giỏi, đó là sở trường của ngài. Còn sở trường của ngài Mục Kiền Liên là dẫn dắt các vị từ tầng Thánh thấp lên tầng Thánh cao. Dĩ nhiên, từ phàm sang Thánh là khó, còn từ tầng Thánh thấp lên tầng Thánh cao thì dễ hơn một chút. Đức Phật dạy rằng ngài Xá Lợi Phất giống như mẹ ruột, còn ngài Mục Kiền Liên giống như bà vú nuôi; tức là người ta đã sinh đẻ sẵn rồi mình nuôi giúp vậy.

Sở dĩ hai vị đó được Đức Phật tuyên dương như vậy, nhưng tại sao lại có nhân vật này? Là bởi vì các vị kia độ người rải rác cả đời rất nhiều, còn vị này được xem là số một trong việc giáo giới. Có nghĩa là một lần ra quân như vậy là có cả ngàn người, nhìn vào thấy tính chuyên nghiệp rất cao. Các vị đại trí, đại hiền kia độ rất nhiều người nhưng rải rác, nhìn không có gì đặc biệt, còn vị này cứ mỗi lần ra quân là có 1.200.000 vị đắc quả. Cho nên ngài mới được gọi là đệ nhất giáo giới Tỳ-kheo (Bhikkhu-ovadakanam). Trong số những vị dạy dỗ Chư tăng thì ngài là số một.

Tiếp theo là ngài Ra-thác (Radha). Đức Phật dạy rằng trong số đệ tử của Ngài, vị đệ nhất về biệt hạnh, có khả năng gây cảm hứng thuyết pháp cho người khác là ngài Ra-thác. Nếu không đọc chú giải thì sẽ không hiểu hạnh này là gì, nó rất lạ. Đó là khả năng gây cảm hứng cho người khác thuyết pháp. Ví dụ như không phải ai đề nghị mình hát hay ngâm thơ mà mình cũng có hứng làm. Nhưng có những người họ khéo mớm lời, chỉ cần mớm một hai câu là mình muốn làm ngay chuyện đó.

Không phải ai giục mình cũng làm. Thí dụ mình nấu ăn giỏi, quan trọng là người khéo nói sao để mình sẵn lòng đi chợ rồi về làm một bữa ăn chay. Đó cũng là một cái tài đặc biệt. Người ta chơi đàn giỏi, hát hay, nhưng không phải ai cũng có thể yêu cầu họ chơi đàn hay hát xướng theo ý mình được. Ngài Ra-thác có tài gây cảm hứng cho người thuyết pháp rất xuất sắc, cách ngài gợi ý cho người ta thuyết pháp rất khác biệt.

Về cuộc đời ngài, hồi xưa, cách đây một trăm ngàn đại kiếp, ngài cũng thấy một vị Tỳ-kheo được tuyên dương hạnh đó nên đã phát nguyện. Sau một trăm ngàn đại kiếp, đến thời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ngài xuất gia thành Tỳ-kheo. Ngài cũng từng có gia đình. Sẵn đây nói luôn, trong hàng đại thanh văn đệ tử Phật có những vị rất lạ, chứng đắc trong thời gian ngắn ngủi rồi viên tịch, không có một phút giây nào để chứng minh bản thân, chỉ có mình Đức Phật biết. Đó là trường hợp người ta chứng quả rồi nhập diệt luôn.

Không có được một phút giây nào để gọi là chứng minh bản thân hết, chỉ có một mình Đức Phật biết. Đó là trường hợp của ngài Rādha. Tức là sau khi xuất gia rồi, ngài đã luống tuổi. Một người sống ngoài đời cả đời, lúc tuổi già muốn tiêu cho hết thời gian còn lại vì thấy sống ngày tháng buồn tẻ, đi tu cho đỡ lê thê. Nghĩ vậy nên ngài đi tu thôi.

Vì ngài lớn tuổi quá, lụm cùm, đi đứng khó khăn nên Chư Tăng thấy vậy ai cũng ngại, không cho ngài tu. Nhưng cuối cùng, ngài đã đắc quả A-la-hán. Khi ngài đắc quả xong, ngài có cái biệt tài mà hồi này tôi đã giải thích, tức là ngài muốn thỉnh ai thuyết pháp cũng luôn luôn thành công. Dù là một vị Phàm hay một vị Thánh, ngài đều có cách nói để người ta không thể chối từ và thuyết pháp theo đề nghị của ngài. Như này tôi nói, thấy người ta hát ca vọng cổ hay, mình tới đề nghị người ta hát một hai câu cho mình nghe, mình tưởng dễ chứ không phải đâu. Để người ta chịu hát cho mình nghe thì đó mới là cái tài.

Lúc đó Chư Tăng tán thán một vị Tướng quân Chánh pháp, một vị đại đệ tử, đại cao đồ, Đại Thánh Tăng, Đại Thanh Văn như vậy mà có tấm lòng tri ơn chỉ vì một bát

cơm. Phật dạy rằng không phải nay mới như vậy, mà thuở xưa đã như vậy rồi. Bây giờ mang thân người, đắc chứng Thánh quả mà có lòng tri ơn thì không có gì lạ. Ngày xưa ngài là một con voi, khi được người ta cứu mạng, con voi đó cả đời làm việc và luôn Tâm Niệm rằng biết bao giờ trả cho hết cái nợ cứu mạng ngày xưa. Cả đời con voi sống như vậy.

Trong kinh ít bữa nữa mình sẽ học tới chỗ đó, Đức Phật dạy trên đời này có ba hạng người khó kiếm. Một là Chư Phật. Thứ hai là người có thể thuyết giảng chánh pháp của Chư Phật. Và hạng thứ ba là người biết tri ơn, nhớ ơn, thọ ơn mà không quên. Người như thế này cũng là khó kiếm.

Ngày xưa khi đọc tới cái này, tôi lạ lắm, ngạc nhiên lắm. Tôi thấy tại sao nói người tri ơn là người khó kiếm mà lại đem đặt bên cạnh một Đức Phật? Mình thấy dĩ nhiên Đức Phật là khó kiếm rồi, rõ ràng là vậy. Người thuyết pháp cũng hiếm, bởi vì có Phật ra đời thì mới có người thuyết pháp. Nhưng hạng thứ ba này mới lạ: người có lòng tri ơn là người khó kiếm.

Khi tuổi đời chồng chất rồi tôi mới hiểu, thì ra khó kiếm thật. Bởi vì mình thấy rõ ràng ở đời này, nhận của người ta bao nhiêu cũng thấy là ít, mà mình làm cho người ta bao nhiêu mình cũng thấy là nhiều. Đây là cái tâm lý. Ví dụ mỗi ngày tôi cho quý vị một ngàn đô la, cho suốt mười năm như vậy. Đến năm thứ mười một, tôi nói tôi không cho được nữa, tôi chuyển qua cho người khác, thì coi như mười năm qua đổ sông đổ biển hết. Sau này các vị chỉ còn biết hờn giận, trách móc tôi thôi. Tin tôi đi, tôi không nói quá lời đâu. Mỗi ngày tôi cho một ngàn đô la suốt mười năm, đến khi tôi không cho nữa thì mười năm ân tình của chúng ta coi như đứt đoạn, không còn nữa.

Chỉ cần mình tệ với người khác thì coi như mười năm cái ân tình của chúng ta, ân đức không còn nữa. Và chưa hết, mình có tốt với nhau bao nhiêu, chỉ cần người anh em của mình làm một chuyện gì đó khiến mình giận, mình buồn là lòng tri ân coi như kết thúc. Bây giờ người ta có giúp mình một tấn, mà chỉ cần một cái giận một trăm

gram thôi, thì một trăm gram giận đó đủ để xóa sạch một tấn ân nghĩa. Cái lòng người nó như vậy đó quý vị.

Cho nên nói về ngài La Hầu La, mình phải nói rằng lạ lùng lắm. Cái chuyện tốt cách đây có bốn ngày thôi họ quên cho bằng được, mà cái chuyện họ giận mình cách đây bốn năm họ lại nhớ cho bằng được. Vì sao? Vì lòng người là như vậy. Tại sao tôi cứ nhấn mạnh cái này hoài? Bớt giận, bớt trách đời đi, vì cái kiểu đời nó là như vậy. Lòng người mà không như vậy thì trần gian đâu phải là biển khổ. Có nhiều lý do, nhưng một lý do là lòng người vốn dễ vong ơn bội nghĩa, cái đó không có gì lạ hết.

Điều thứ hai học về bài học của ngài La Hầu La là: mình sống làm sao để trở thành nguồn cảm hứng tích cực cho người khác. Đây là một bài học cực kỳ sâu sắc. Tôi thật lòng muốn quý vị ghi nhớ câu này, một câu rất đáng để khắc cốt ghi tâm: Sống sao để ta trở thành nguồn cảm hứng tích cực cho người khác.

Vì Đức Phật từng dạy rằng: Này các tỳ kheo, khi một tỳ kheo đến một địa phương nào đó, hãy ưu tiên cho người phật tử có trí tuệ chứ không phải người thiếu trí tuệ, ưu tiên cho người phật tử có giới, người hào sảng trước những người bủn xỉn. Nói chung là hãy ưu tiên cho người có thiện pháp trước. Trong hai người có thiện pháp, mình ưu tiên người có thiện pháp nhiều trước, người có thiện pháp ít sau.

Nói như vậy có nghĩa là khi mình trở thành một nguồn cảm hứng tích cực cho người khác thì mình phải là người thiện. Mình phải là con người như thế nào mà chư Phật, Thánh Hiền nghĩ tới mình. Mình sống làm sao mà những người bạn đạo khi họ làm chuyện tốt là họ nghĩ tới mình. Khi họ đi ngồi thiền, đi thọ giới, đi nghe pháp, khi họ đi bố thí, đi hành hương, họ cứ nhớ tới mình. Tại sao? Vì con người mình sống thế nào đó mà trở thành nguồn cảm hứng tích cực cho người khác. Cái gương của ngài đáng nể như vậy đó, không phải chuyện chơi đâu. Cái gương này rất đáng lưu tâm: sống như thế nào để mình trở thành một nguồn cảm hứng tích cực.

Tức là người ta nhìn thấy mặt mình là người ta muốn làm một chuyện gì đó thật tốt đẹp. Cái này mới đặc biệt: hễ gặp mặt mình là người ta muốn làm chuyện tốt. Và chưa hết, tại sao sinh ra người ta nhìn mặt mình là người ta muốn cho? Đó là khi mình nói lời ái ngữ. Rồi khi mình tu tập, người ta gặp mặt mình thì người ta thương, người ta muốn làm cái gì đó cho mình. Cho nên khi mình có lòng hiếu học, thích nghe pháp, để đời sau sinh ra đi đâu người ta gặp mặt mình cũng muốn chia sẻ. Kiếp này mình thích phục vụ người khác thì đời sau sinh ra ai cũng muốn giúp đỡ mình.

Pháp để đời sau sinh ra, đi đâu người ta gặp mặt mình cũng muốn chia sẻ. Nếu kiếp này mình thích phục vụ người khác, đời sau sinh ra, tự nhiên người ta gặp mặt mình là họ muốn phục vụ lại cho mình. Có những trường hợp như vậy. Có những người mình nhìn mặt họ tự nhiên thấy thương. Đừng nghĩ bậy bạ là tình cảm trai gái, nhưng nhìn gương mặt đó, tôi nghĩ nếu người này có đề nghị gì trong khả năng, tôi sẽ làm ngay. Không nhất thiết phải là người đẹp hay người khác phái, chỉ là người đàn ông thôi cũng có những người như vậy.

Ở Việt Nam, tôi biết một vị sư bạn là sư Bửu Hiền, hiện là trụ trì chùa Pháp Bảo ở Mỹ Tho. Sư không phải quá đẹp trai, chỉ là người tầm thước, mọi thứ bình thường, nhưng nét mặt rất đặc biệt. Tôi nghĩ con người đó có cái phước lạ lắm, khiến người khác không nở từ chối. Tôi ví dụ một người cụ thể để quý vị dễ hình dung, chứ không phải nói chuyện trên mây. Ánh mắt của sư Bửu Hiền không cho phép mình từ chối, dù là đồng phái. Nếu là nữ giới cũng có những người như vậy. Đó là cái phước khiến họ trở thành nguồn cảm hứng tích cực cho người đối diện.

Ngài Angulimala mạnh bằng bảy con voi. Ngài Nanda có 32 hảo tướng. Ngài Maha Ca Diếp có 7 tướng đại nhân. Bà La Môn Varis có 3 tướng đại nhân. Bà Visakha mạnh bằng năm con voi. Ngài Anuruddha sống 150 tuổi. Ngài Kassapa Dasaka cả đời tu không nằm. Ngài Bakula 80 năm không nằm. Ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên có 12 năm không nằm dù đã chứng La Hán.

Tại sao tôi lại đưa ra một loạt con số như vậy? Là vì chúng ta đang nói về nhân vật Mogharaja vào thời Đức Phật Ca Diếp. Vào đời Đức Phật Ca Diếp, có một nhóm thợ mộc đã đem hết kiến thức về ngành mộc, vật lý và cơ học để làm nên một tòa lâu đài cao 7 tầng. Tòa lâu đài này tận dụng sức gió để có thể xê dịch được. Tòa lâu đài đó có tên là Katthavahana. Chuyện kể rằng vào thời Đức Phật Ca Diếp, có một vị vua nghe tin Phật ra đời đã cử người đến học đạo để đem giáo pháp về xứ sở của mình. Quý vị nghe kịp không? Ông vua ở xứ đó...

Ông mới cử người đi học đạo rồi đem cái đạo về xứ của ông. Quý vị nghe kịp không? Ông vua ở xứ đó cứ cách vài năm lại cử người đi học đạo về để giảng cho dân chúng nghe. Người được cử đi đó xuất gia học đạo rồi trở về hoằng pháp. Sau đó, ai rồi cũng già và chết đi. Ông vua cử người đi học đạo sau khi chết đã tái sanh làm vị Bà-la-môn Bavari, là cố vấn tâm linh cho vua Ba-tư-nặc. Còn vị Tỳ-kheo kiếp trước, bây giờ trở lại là một vị Bà-la-môn trẻ tuổi tên là Mogharaja, học trò của ông Bavari.

Ở một đất nước tên là Assaka, ông vua xứ đó cũng cử người đi học Phật pháp về dạy cho mọi người. Người được cử đi đó xuất gia, sống hết kiếp đó rồi tái sanh. Ông vua thì trở thành ông Bavari, cố vấn tâm linh cho vua Ba-tư-nặc, còn vị Tỳ-kheo ngày xưa giờ là Mogharaja, học trò của ông Bavari trong kiếp này.

Một ngày nọ, ông Bà-la-môn Bavari thấy rằng dù vua thương quý, tiền bạc đủ đầy, cuộc sống sung sướng, nhưng gom hết quyền lực và tài sản lại cũng chỉ là con số không. Ông chán quá nên xin đi tu. Ông tìm về vùng biên địa bên bờ sông Godavari, nơi có rất nhiều con tắc kè. Vì uy đức của ông quá lớn, khi ông dẫn hàng ngàn đệ tử về đó ở, vùng đất hoang vu xa xôi ấy trở nên ấm cúng và có sức mời gọi không cưỡng được. Thiên hạ muôn phương kéo nhau về lập ấp, hình thành một khu dân cư chính thức. Họ rất biết điều, coi ông như một vị vua vậy.

Những người lưu lạc tha phương cầu thực đến đây, thấy ông có uy tín nên xin nhập bọn cho ấm cúng. Họ mang lễ vật đến dâng cúng. Ông nói: "Tôi tu hành, tôi đâu có cần những thứ này. Tôi từng là cố vấn đặc biệt cho triều đình mà còn bỏ hết để vào

rừng sống, mấy món đồ này tôi không cần." Nhưng họ nói đó là lòng thành, xin ông chứng minh cho họ vui.

Trong kinh nói ông này có ba quý tướng giống như bậc đại nhân. Thứ nhất là khi đứng thẳng, bàn tay ông có thể chạm đến đầu gối. Thứ hai là tướng lưỡi dài rộng, khi le lưỡi ra có thể liếm lên tới trán. Thứ ba là tướng mã âm tàng cực kỳ vi tế. Ông thường tổ chức đại lễ tế đàn để giúp đỡ dân nghèo, những người gặp thiên tai bão lụt, đói kém hoặc làm ăn thất bại. Mỗi năm tổ chức một lần để hỗ trợ những người cơ nhỡ. Vì vậy, tiếng tăm của ông lừng lẫy khắp cả Ấn Độ, trong tiếng Pali gọi là Diêm Phù Đề.

Ông trợ giúp cho những người cơ nhỡ nên tiếng tăm lừng lẫy khắp cả Ấn Độ, trong tiếng Pali gọi là Diêm Phù Đề, ai cũng biết chuyện ông gây quỹ này. Ông Bavari không hề có một mảnh giấy lộn lừng để hợp thức hóa pháp lý hay pháp nhân gì cả, ông chỉ làm việc bằng lời nói thôi mà cuối cùng cũng có một cái quỹ cực lớn. Cho nên tôi nghĩ mai này ở Việt Nam, ai có điều kiện thì cũng nên làm những cái quỹ như quỹ Visakha, quỹ Cấp Cô Độc. Và nếu không muốn dựng hàng thì đặt tên là quỹ Bavari cũng sang.

Ông Bavari nổi tiếng là một nhà từ thiện mà trong tay không có đồng xu nào hết. Một ngày nọ, có một người đến gặp ông để xin tiền, nhưng lại không nhằm ngay cái ngày mà mỗi năm chỉ có một hai lần để bố thí. Ông đến không đúng ngày nên ông Bavari không có tiền để cho. Thế là ông kia mới lấy cát vun thành đồng rồi làm phù phép, đọc lầm rầm trù ẻo: "Bavari bị bể đầu đi, Bavari bị bể đầu đi". Thời đó ở Ấn Độ người giỏi bùa chú nhiều lắm.

Ông Bavari cũng sợ, thấy người ta làm phép thù oán mình như vậy nên ông lo. Đêm đó nằm ngủ, ông nghe văng vẳng trên đầu... Chuyện này dài lắm nhưng tôi chỉ kể vắn tắt vì hết giờ rồi, nhưng đã lỡ kể thì phải kể cho hết. Vì ông kia tới xin tiền mà không có nên ông Bavari mới bị trù ẻo. Quý vị có biết ông Asita không? Tức là A Tư Đà, vị

đạo sĩ đã đến xem tướng cho Thái tử. Có một lần ông đi trên núi Tuyết Sơn, ngang qua dãy cốc lá của một số đạo sĩ, toàn là những người giỏi bùa chú.

Ông Asita đi tới đi lui trước mặt họ rồi hỏi: "Chủ cốc đâu hết rồi? Chủ nhà đi đâu hết rồi?". Mấy ông đạo sĩ này thấy ghét nên bảy người cùng nhau đọc chú để thiêu rụi ông A Tư Đà. Trong kinh nói bình thường bảy ông này hợp sức lại giống như Toàn Chân Thất Tử của Vương Trùng Dương, sức mạnh ghê gớm có thể làm chết người. Nhưng bữa đó đặc biệt, khi bảy ông cùng đọc chú thì không giết được A Tư Đà. Ông A Tư Đà mới nói: "Các vị có biết ta là ai không? Ta là Asita Devala đây". Nghe vậy họ mới mời ông vào nói chuyện. Ông nói: "Tôi đến đây không phải vô cớ. Tôi nghe các vị tuyên truyền dòng dõi Bà La Môn là thanh tịnh, còn các dòng dõi khác là tà lao. Sẵn đây tôi nói luôn, con người thanh tịnh là do nếp sống, suy nghĩ và hành động, chứ không phải do dòng dõi. Ngọn lửa quan trọng hơn xuất xứ của nó".

Tôi kể chuyện này hơi lạc đề một chút để quý vị thấy người Ấn Độ ngày xưa tin bùa chú dữ lắm. Ông Bavari này cũng vậy, khi thấy người kia bày đồng cát làm phép trừ rửa thì lo lắm. Đêm nằm ngủ, ông nghe văng vẳng trên đầu một câu thế này: "Bể đầu, bị bể đầu. Ai biết đầu là gì? Ai biết bể đầu là gì? Hãy đi đến hỏi Phật Đà thì sẽ biết rõ bể đầu là gì".

Có một câu thế này: "Bể đầu, ai biết đầu là gì? Ai biết bể đầu là gì? Hãy đi đến hỏi Phật Đà thì sẽ biết rõ bể đầu là gì và cái đầu là cái gì."

Ông Bavari bị người ta trừ éo cho bể đầu, ông nghe vậy nên lo lắm. Đêm nằm ngủ, ông nghe văng vẳng trên đầu giường câu nói đó. Tại sao lại có câu đó? Là bởi vì bà mẹ kiếp trước của ông bây giờ sanh làm Dạ xoa. Thấy ông lo sợ vô cớ, bà biết ông này chỉ là một vị Bà-la-môn thôi, nhưng bà nghĩ đây là người mình nên giúp. Thấy ông trần trối, bà mới đứng đầu giường nói như vậy: "Bể cái đầu, và bể đầu ai biết được đầu là gì và bể đầu là gì? Hãy đến hỏi Phật Đà."

Ông nghe như vậy, sáng hôm sau ông triệu tập đệ tử. Ông có tất cả 16 đệ tử lớn. Bùa là gì? Bùa đơn giản là sự tập trung tư tưởng vào một cái gì đó lâu ngày, nó trở thành năng lực sức mạnh. Đó là nói về bùa một cách duy lý. Còn nói hơi tâm linh một chút, mỗi chữ bùa là ký hiệu của một phi nhân nào đó, một con dấu, một cái mộc, một cái ấn của một phi nhân. Ai là người dạy cho mình cái này? Từ những vị đắc thiên, có thần thông, họ truyền lại cho các đệ tử. Rồi chính những người đó truyền tiếp, cuối cùng mình chỉ biết thầy mình là ông Ba Sự, ông Tư Tôn, ông Tám Tàng, bà Bún, bà Ba... mình không biết cái gốc đắc thiên là gì. Mỗi vị trời, mỗi vị thiên tử, mỗi vị Dạ xoa hoặc Càn-thát-bà lớn họ có ký hiệu riêng, ký hiệu đó chính là chữ bùa. Giảng sơ sơ về bùa để cho bạn hiểu.

Ông Bavari có 16 đệ tử lớn và 16.000 đệ tử nhỏ. Ông mới cử 16 đệ tử lớn đi, trong đó có ngài Mogharaja. Vị này xét về tuổi tác đứng hàng thứ hai trong 16 người, luôn tự cho mình uyên bác nhất trong nhóm đó. Khi 16 người này đi đến gặp Phật để hỏi, ý họ là: "Bạch Thế Tôn, thầy của con là Bavari bị người ta hãm dọa, trù rửa là bị bể đầu. Bây giờ sư phụ con lại được một người khác mách bảo là hãy đến gặp Thế Tôn để hỏi cái đầu là cái gì và bể đầu là cái gì."

Bên cạnh câu hỏi của thầy, mỗi ông trong 16 ông còn soạn riêng cho mình một lô câu hỏi mà chỉ có bậc Chánh Đăng Chánh Giác mới giải đáp được. 16.000 người, cứ 1.000 người lấy một người giỏi nhất, thành ra 16 người này đến hỏi đạo Đức Phật. Sư phụ dặn họ khi đến gặp Thế Tôn là phải quan sát xem Ngài có đủ các hảo tướng hay không. Thứ hai, đừng hỏi bằng miệng mà hãy hỏi bằng tâm.

Cho nên 16 ông này đi đến gặp Phật, họ ngồi yên xuống quan sát. Họ nhìn thấy Ngài có 32 tướng tốt, nhưng còn hai tướng chính là tướng lưỡi và tướng ấn tàng thì họ không thấy. Lúc đó Ngài mới dùng thần thông cho họ thấy hai tướng đó. Khi xác định đủ 32 tướng, họ thích quá bắt đầu mới hỏi đạo. Họ hỏi thầm, nghĩa là họ ngồi yên nhìn Ngài rồi hỏi trong tâm, còn Ngài thì trả lời lớn tiếng cho họ nghe. Khi họ thấy tâm đặc rồi, họ chỉ suy nghĩ câu hỏi trong bụng thôi.

Khi 16 người này đến, họ ngồi khít lại. Họ suy nghĩ và đưa ra những câu hỏi trong bụng, rồi Đức Phật trả lời. Lúc đó họ chợt nghĩ: "Thế Tôn đang nói chuyện với ai đây? Thế Tôn đang nói chuyện với ai đây?", bởi vì họ thấy nội dung lạ quá. Đức Phật đang nói pháp cho đại chúng, nhưng khi 16 người này vào thì Ngài có một cách diễn đạt rất lạ, Ngài nói chuyện với từng người một.

Trong chuyện này, ông Mogharaja nghĩ rằng: "Sư huynh ta về tuổi tác là số một, ông có quyền hỏi trước. Nhưng về mức độ uyên bác thì trong 16 vị đệ tử, người ta nể sư huynh về tuổi tác nên để sư huynh hỏi trước, nhưng người có tuệ phải là ta chứ."

Đức Phật xét thấy Mogharaja là người quá kiêu ngạo, cho nên khi Mogharaja bắt đầu hỏi thì Ngài mới nói: "Hãy im lặng nhường cho người khác hỏi trước." Cứ như vậy, ai cũng được quyền hỏi và Ngài trả lời lần lượt. Riêng ông, hễ ông định hỏi là Ngài lại nói hãy để cho người khác. Trong số 16 người, đến khi người thứ 14 trả lời xong, ông kiên nhẫn ngỏ ý muốn hỏi, tức là ông trở thành người thứ 15. Lúc này Đức Phật thấy lòng kiêu căng của ông đang lắng xuống, Ngài mới đồng ý và nói: "Hỏi đi, Mogharaja hãy hỏi đi."

Khi nghe Ngài giảng xong, ông bèn đại phát Bồ-đề tâm. Bậc Đạo Sư biết được đạo căn và tuệ căn của ông đã chín muồi, cho nên Ngài cho phép ông hỏi. Sau buổi pháp thoại và những câu trả lời của Thế Tôn, ông cùng với 1.000 người nữa đắc quả A-la-hán.

Sau đó, ông trở lại với nguyện xưa, đó là ông đặc biệt chỉ thích hạnh phẩn tảo y. Phẩn tảo y, tiếng Pali gọi là Pamsukulika civara, tức là y phẩn tảo được may nhuộm từ vải lượm được.